

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Vũ Gia Đình và bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trinh - Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1996 (có mặt);

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1985 (có mặt);

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố MQ, phường K, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 9 năm 2020 và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Tuấn H ngày 23/4/2014, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh H tại tổ dân phố MQ, phường K, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2016 khi chị sinh cháu thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 thì mâu thuẫn càng tăng. Nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chịu khó làm ăn và sử dụng ma túy. Năm 2017 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản”. Tháng 10/2019, chị T gửi đơn xin ly hôn anh H đến Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, quá trình giải quyết chị T đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi chị T rút đơn thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng vẫn mâu thuẫn căng thẳng. Anh chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình

cảm từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H .

Anh Phạm Tuấn H trình bày: Anh xác nhận ngày tháng kết hôn, thời gian và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Song về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ nam nữ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, song vì con còn nhỏ nên anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị T , anh H xác nhận có hai con chung là Phạm Minh Quang, sinh ngày 13/02/2014 và cháu Phạm Yến Trang, sinh ngày 30/11/2016, hiện nay hai cháu đang ở với chị T . Tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu cầu nuôi cháu Quang để chị T nuôi cháu Trang, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Chị T , anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Phạm Tuấn H ;

Về con chung: Giao cháu Phạm Yến Trang, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Nông Thị T nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phạm Minh Quang, sinh ngày 13.02/2014 cho anh Phạm Tuấn H nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau;

Về tài sản chung, tài sản riêng; vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh H trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2019 thì

vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Mặt khác anh H cho rằng chị T có quan hệ với người đàn ông khác, tuy nhiên anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc này nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Anh H xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được địa phương cung cấp, anh chị đã mâu thuẫn căng thẳng, thường xuyên cãi cọ, đánh nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H

[3] Về con chung: Chị T, anh H có hai con chung là Phạm Minh Quang, sinh ngày 13.02/2014 và cháu Phạm Yến Trang, sinh ngày 30/11/2016.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị T, anh H thấy rằng: Chị T hiện đang ở cùng với bố mẹ tại tỉnh Bắc Kạn, còn anh H đang ở cùng với bố mẹ tại tổ dân phố MQ, phường K, nên anh chị đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T, anh H đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho anh chị mỗi người nuôi một cháu. Do cháu Trang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu được phát triển toàn diện. Đối với cháu Quang có thể tự chăm sóc được bản thân nên giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Phạm Tuấn H

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Yến Trang, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Nông Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Minh Quang, sinh ngày 13.02/2014 cho anh Phạm Tuấn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0007300 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự ;
- UBND phường Liên Bảo (ĐKKH năm 2014);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Đường

